

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------|------------|---|
| 1 | Số 43/NQ-ĐHĐCĐ | 26/06/2020 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020; 2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020; 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020; 4. Thông qua BCTC đã được kiểm toán năm 2019; 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; 6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020; 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020; |

II. Hội đồng quản trị :

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT |
|-----|-------------------|-----------------|---------------------------------|
| 1 | Ông Mai Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT | Năm 2015 |
| 2 | Ông Phạm Thế Hưng | Thành viên HĐQT | Năm 2008 |
| 3 | Ông Lê Văn Thắng | Thành viên HĐQT | Năm 2013 |
| 4 | Ông Vũ Thanh Tùng | Thành viên HĐQT | 26/4/2018 |
| 5 | Ông Nguyễn Lê Văn | Thành viên HĐQT | 26/4/2018 |

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Mai Hồng Hải | 09 | 100% | |
| 2 | Ông Phạm Thế Hưng | 09 | 100% | |
| 3 | Ông Lê Văn Thắng | 09 | 100% | |
| 4 | Ông Vũ Thanh Tùng | 09 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Lê Văn | 09 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc tại Công ty để thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế của Công ty và theo các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. Chủ tịch HĐQT thường xuyên có những cuộc họp định kỳ hàng quý và đột

xuất với Ban Giám đốc để kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám đốc và tình hình kinh doanh của công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

4.1. Ban Tài chính:

Hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019; Phối hợp với các phòng ban, đơn vị kiểm kê tài sản, nguồn vốn, vật tư và đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, nộp ngân sách nhà nước tại ngày 01/7/2020 và 31/12/2020, soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2020 bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt và công bố thông tin theo quy định; Tập trung đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng để bảo toàn vốn; Sử dụng đòn bẩy tài chính, bám sát điểm hòa vốn cho từng hoạt động, quản lý tốt dòng tiền và bám sát mục tiêu kế hoạch; Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;;

Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành rà soát, đánh giá việc khai thác hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản hiện có nhằm tiết giảm tối đa chi phí. Đồng thời, thực hiện đa dạng hóa các công cụ tài chính, tăng cường quản lý tốt dòng tiền để tăng vòng quay và hiệu quả của đồng vốn.

4.2. Ban Kinh doanh:

Ổn định và khai thác tối đa năng lực phương tiện của vận tải bộ, vận tải thủy;

Công tác tiêu thụ: Thị trường vẫn gặp nhiều khó khăn do nhu cầu thị trường giảm, chủng loại xi măng xâm nhập vào thị trường cốt lõi tăng, giá thành sản phẩm chênh lệch lớn, sức cạnh tranh ngày càng gia tăng nhưng bằng các giải pháp tích cực chủ động trong điều hành, thực hiện tốt khâu bán hàng và chăm sóc khách hàng, áp dụng các cơ chế linh hoạt theo chương trình của nhà sản xuất để kích cầu, tăng sản lượng tiêu thụ. Tuy nhiên, sản lượng bán xi măng năm 2020 giảm 658 tấn so với kế hoạch, giảm 6.911 tấn so với cùng kỳ do ảnh hưởng của thị trường về chủng loại, giá cả và nhu cầu tiêu thụ tại địa bàn đơn vị quản lý giảm, dư nợ vẫn ở mức cao;

Khai thác hợp lý năng lực phương tiện vận tải thủy: bố trí 01 tàu chuyên chở xi măng tiêu thụ, 02 tàu khai thác ngoài vận chuyển sét và phụ gia khác cho Công ty xi măng Hải Phòng. Trong năm 2020, sản lượng vận tải, bốc xúc giảm 16.800 tấn do sản lượng luân chuyển hàng hóa của Công ty xi măng Vicem Hải Phòng giảm;

Một số nguyên nhân khác làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng, doanh thu và hiệu quả SXKD của đơn vị. Tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự lãnh đạo quyết liệt của Ban Giám đốc điều hành và sự đoàn kết, thống nhất của tập thể CBCNV, nâng cao quản trị công ty, điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp vào điều kiện SXKD của Công ty nên đơn vị đã khắc phục được những khó khăn, vướng mắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2020 .

0057;
CÔNG TY
PHÂN
MAI-D
TÀI XÍ
HẢI PHÒNG
G.T.P

a

4.3. Ban Kỹ thuật pháp chế:

Rà soát lại các thủ tục bán hàng, hoàn thiện hồ sơ công nợ, tiếp tục đôn đốc thu hồi công nợ; tăng cường khâu kiểm tra giám sát thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông; Giải quyết chế độ cho người lao động, tuyển dụng nhân sự;

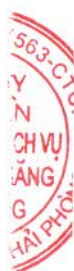
Xây dựng hoàn thiện Quy chế quản trị nội bộ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quy định của Tổng công ty và Pháp luật hiện hành;

Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quy trình luân chuyển chứng từ và tiến độ thực hiện để nâng cao công tác quản lý, quản trị tại các Phòng ban, đơn vị;

Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày | Trích yếu nội dung Nghị quyết |
|-----|---------------|------------|--|
| 1 | Số 02-NQ/HĐQT | 07/02/2020 | Tổng kết thực hiện SXKD năm 2019; Định hướng công tác SXKD năm 2020 và quý I/2020. |
| 2 | Số 06-NQ/HĐQT | 18/02/2020 | Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. |
| 3 | Số 11-NQ/HĐQT | 18/03/2020 | Lùi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đến trước ngày 30/06/2020. |
| 4 | Số 17-NQ/HĐQT | 16/04/2020 | Thông qua kết quả thực hiện SXKD quý I/2020; Định hướng KH SXKD quý II/2020. |
| 5 | Số 20-NQ/HĐQT | 19/05/2020 | Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. |
| 6 | Số 31-NQ/HĐQT | 15/06/2020 | Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. |
| 7 | Số 38-NQ/HĐQT | 20/06/2020 | Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và định hướng kế hoạch Quý III/2020; Thông qua các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2020. |
| 8 | Số 43-NQ/HĐQT | 26/06/2020 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 |
| 9 | Số 48-NQ/HĐQT | 09/10/2020 | Thông qua kết quả SXKD Quý III/2020 và định hướng kế hoạch SXKD Quý IV/2020; ước thực hiện năm 2020. |



III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS |
|---|-----------------------|----------------|---------------------------------------|
| 1 | Bà Lê Thị Hạnh | Trưởng ban | 26/4/2018 |
| 2 | Bà Trịnh Thị Hương | Thành viên | 26/4/2018 |
| 3 | Ông Trần Văn Tư | Thành viên | 26/4/2018 |

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|------------|-----------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------------|
| 1 | Bà Lê Thị Hạnh | 04 | 100% | |
| 2 | Bà Trịnh Thị Hương | 04 | 100% | |
| 3 | Ông Trần Văn Tư | 04 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình; chủ động đề xuất với HĐQT một số vấn đề liên quan về kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy định nội lệ, kiểm toán, thu hồi công nợ; tham gia các ý kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng Luật pháp; kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính bán niên năm 2020; thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Rà soát trình tự, thủ tục tổ chức các cuộc họp (ĐHĐCĐ, HĐQT) cho phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Đảm bảo việc HĐQT/GĐ công bố thông tin kịp thời, chính xác theo các quy định của pháp luật.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



a

IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm |
|-----|--------------------------|---------------------|------------------------------|---------------|
| 1 | Lê Văn Thắng | 10/08/1968 | Cử nhân Kinh tế ngoại thương | 01/07/2019 |
| 2 | Phạm Thế Hưng | 19/02/1963 | Cử nhân Kinh tế Vận tải biển | 01/05/2015 |

V. Kế toán trưởng

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Vũ Thanh Tùng | 27/05/1976 | Cử nhân Tài chính kế toán | 14/05/2018 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: các cuộc họp nội bộ, các buổi thảo luận thường xuyên được tổ chức để nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho các nhà quản lý, cán bộ lãnh đạo của công ty.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do |
|-----|---------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|--|---|---|-------|
| - | - | - | - | - | - | - | - | |

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH:



(Handwritten mark)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không phát sinh

| STT | Tên tổ chức / cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua | Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|--|--|---------|
| - | - | - | - | - | - | - | - | - |

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*:

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: không phát sinh

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|---|---------|--|---------------------|--|---------|
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo: không phát sinh

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không phát sinh

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không phát sinh

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm): không phát sinh

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| Stt | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại công ty | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------|---------------------------------|------------------------|---|---|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1 | Mai Hồng Hải | 001C104065 | Chủ tịch HĐQT | 030826449 13/03/2008 Hải Phòng | 105/lô 26D Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng | 0 | 0 | |
| 2 | Lê Văn Thắng | 001C132774 | Giám đốc UV HĐQT | 03168001201 06/10/2015 Hải Phòng | Thôn Phạm Dừng, An Hồng, An Dương, Hải Phòng | 2.500 | 0,12% | |
| 3 | Phạm Thế Hưng | 001C132787 | Phó giám đốc UV HĐQT | 017063000022 08/08/2016 Hải Phòng | Lực Hành, Trung Hành, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng | 0 | 0 | |
| 4 | Vũ Thanh Tùng | 012C008376 | Kế Toán trưởng UV HĐQT | 031076000303 26/09/2019 Hải Phòng | Lương Quán, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng | 0 | 0 | |
| 5 | Nguyễn Lê Văn | | UV HĐQT | 025889012 18/04/2014 Hồ Chí Minh | 154/49/64 Âu Dương Lân, P3, Q8, TP. Hồ Chí Minh | 0 | 0 | |
| 6 | Lê Thị Hạnh | | Trưởng BKS | 031181003787 28/07/2016 Hải Phòng | 2B/1/420 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng | 0 | 0 | |



| | | | | | | | | |
|---|-----------------|------------|-------------------|--------------------------------------|--|-----|--------|--|
| 7 | Trịnh Thị Hương | 000C102715 | Thành viên BKS | 013162175 29/10/2011 Hà Nội | Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội | 500 | 0,025% | |
| 8 | Trần Văn Tư | | Thành viên BKS | 030878575 18/01/2008 Hải Phòng | Xóm 1, Đào Yêu, An Dương, Hải Phòng | 0 | 0 | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| - | - | - | - | - | - | - | - |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: không phát sinh



Giám đốc *a*

Lê Văn Thắng
Lê Văn Thắng